



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận**

**Đăng ký Doanh nghiệp số** 0400101556

ngày 30 tháng 1 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400101556 ngày 1 tháng 3 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Đức Trị	Chủ tịch
Ông Phạm Văn Tân	Thành viên
Bà Trần Tường Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên
Ông Lê Quốc Ân	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Huệ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Cách	Thành viên

**Ban điều hành**

Ông Nguyễn Đức Trị	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Bà Hoàng Thùy Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Tường Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Trung	Giám đốc điều hành
Bà Trần Thị Hòa Châu	Giám đốc điều hành
Ông Phan Văn Phước	Giám đốc điều hành
Ông Phan Quang Long	Giám đốc điều hành
Ông Nguyễn Văn Cường	Kế toán trưởng

**Trụ sở đăng ký**

36 Phố Ông Ích Đường  
Phường Hòa Thọ Đông, Quận Cẩm Lệ  
Thành phố Đà Nẵng  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban điều hành Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban điều hành Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban điều hành Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban điều hành  
  
Nguyễn Đức Trí  
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban điều hành Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

### **Trách nhiệm của Ban điều hành**

Ban điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

#### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00205-19-1



Wang Toun Kim

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0557-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2019

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2018-007-1

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>1.070.586.598.592</b>	<b>1.014.853.260.067</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>22.653.298.944</b>	<b>9.877.011.101</b>
Tiền	111		22.653.298.944	9.877.011.101
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>14.090.680.083</b>	<b>14.191.267.129</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	14.090.680.083	14.191.267.129
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>289.854.156.598</b>	<b>302.478.522.202</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	251.912.306.577	246.793.332.160
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		35.121.527.455	46.535.275.275
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		652.400.000	806.400.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	7.407.791.355	9.382.309.529
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(5.239.868.789)	(1.038.794.762)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>717.974.779.467</b>	<b>625.263.992.662</b>
Hàng tồn kho	141		717.974.779.467	625.461.040.372
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(197.047.710)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>26.013.683.500</b>	<b>63.042.466.973</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	5.977.429.205	6.816.262.273
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		20.036.254.295	56.197.793.312
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15(a)	-	28.411.388

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>624.141.066.762</b>	<b>600.030.195.169</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.596.552.619</b>	<b>3.269.768.621</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		514.300.000	1.166.700.000
Phải thu dài hạn khác	216		1.082.252.619	2.103.068.621
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>561.673.770.846</b>	<b>507.586.010.408</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	559.358.424.700	504.283.982.706
Nguyên giá	222		1.251.335.716.588	1.133.800.947.455
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(691.977.291.888)	(629.516.964.749)
Tài sản cố định vô hình	227	11	2.315.346.146	3.302.027.702
Nguyên giá	228		9.406.186.773	9.306.357.773
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.090.840.627)	(6.004.330.071)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>700.431.824</b>	<b>23.345.796.656</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	700.431.824	23.345.796.656
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>44.410.493.086</b>	<b>48.497.181.832</b>
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	44.778.900.000	51.206.900.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	5(b)	10.428.000.000	4.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	7.755.702.000	7.755.702.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(b)	(19.457.108.914)	(19.370.420.168)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	905.000.000	4.905.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>15.759.818.387</b>	<b>17.331.437.652</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	15.759.818.387	17.331.437.652
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.694.727.665.354</b>	<b>1.614.883.455.236</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.279.791.263.480</b>	<b>1.222.198.383.237</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>991.303.981.736</b>	<b>914.162.403.873</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	225.599.479.955	193.881.468.619
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.813.414.545	7.982.594.411
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(b)	8.270.850.431	6.815.776.810
Phải trả người lao động	314		240.627.244.930	107.269.015.025
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	3.303.815.006	7.844.587.574
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	13.463.120.606	14.676.179.397
Vay ngắn hạn	320	18(a)	435.402.578.503	529.997.941.308
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	53.823.477.760	45.694.840.729
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>288.487.281.744</b>	<b>308.035.979.364</b>
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		15.294.587.874	19.029.246.445
Vay dài hạn	338	18(b)	273.192.693.870	289.006.732.919
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>414.936.401.874</b>	<b>392.685.071.999</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>414.936.401.874</b>	<b>392.685.071.999</b>
Vốn cổ phần	411	21	225.000.000.000	225.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		225.000.000.000	225.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22	94.980.528.117	81.691.135.310
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		94.955.873.757	85.993.936.689
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		809.662.261	5.386.228.461
- <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	421b		94.146.211.496	80.607.708.228
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.694.727.665.354</b>	<b>1.614.883.455.236</b>

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập:

*Chuyên viên*

**Đặng Thị Oanh Nữ**  
Chuyên viên

Người duyệt:

*Kế toán trưởng*

**Nguyễn Văn Cường**  
Kế toán trưởng



*Tổng Giám đốc*

**Nguyễn Đức Trí**  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 02 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	3.994.644.040.773	3.705.347.198.895
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.190.047.933	1.610.578.166
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>3.993.453.992.840</b>	<b>3.703.736.620.729</b>
Giá vốn hàng bán	11		3.686.016.694.583	3.415.772.512.802
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>307.437.298.257</b>	<b>287.964.107.927</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	22.921.010.587	23.727.760.009
Chi phí tài chính	22	27	47.276.289.325	16.649.132.377
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.458.287.085	23.236.822.617
Chi phí bán hàng	25	28	73.238.491.086	102.017.969.058
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	111.402.776.735	107.815.123.855
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>98.440.751.698</b>	<b>85.209.642.646</b>
Thu nhập khác	31	30	4.526.762.704	2.370.625.625
Chi phí khác	32	31	2.655.144.551	1.669.591.911
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.871.618.153</b>	<b>701.033.714</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>100.312.369.851</b>	<b>85.910.676.360</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	6.166.158.355	5.302.968.132
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>94.146.211.496</b>	<b>80.607.708.228</b>

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập:

*Đặng Thị Oanh Nữ*

Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:

*Nguyễn Văn Cường*

Nguyễn Văn Cường  
Kế toán trưởng



*Nguyễn Đức Trị*

Nguyễn Đức Trị  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>100.312.369.851</b>	<b>85.910.676.360</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		123.875.743.279	109.829.031.468
Các khoản dự phòng	03		4.555.385.267	(11.537.906.299)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		6.783.107.905	(483.524.074)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(7.232.339.953)	(5.547.950.833)
Chi phí lãi vay	06		25.458.287.085	23.236.822.617
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>253.752.553.434</b>	<b>201.407.149.239</b>
Biến động các khoản phải thu	09		43.750.636.449	85.716.545.922
Biến động hàng tồn kho	10		(92.513.739.095)	(106.697.479.948)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		162.337.861.304	(9.116.269.696)
Biến động chi phí trả trước	12		2.410.452.333	(2.792.494.756)
			<b>369.737.764.425</b>	<b>168.517.450.761</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(25.985.782.155)	(19.410.393.752)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.361.180.218)	(5.077.398.847)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		115.827.451	418.419.115
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(18.566.489.322)	(3.104.185.528)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>318.940.140.181</b>	<b>141.343.891.749</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(158.577.152.066)	(132.630.100.659)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		5.861.053.938	669.818.181
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(264.484.483)	(5.330.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		5.171.471.529	24.684.500.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	15.300.000.000
Tiền thu lãi, tiền gửi và cổ tức	27		2.733.830.210	3.782.177.556
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(145.075.280.872)</b>	<b>(93.523.604.922)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	59.625.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		2.980.486.017.207	2.895.571.926.362
Tiền trả nợ gốc vay	34		(3.096.621.548.609)	(2.971.520.578.138)
Tiền trả cổ tức	36		(44.949.836.000)	(41.238.910.150)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(161.085.367.402)</b>	<b>(57.562.561.926)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>12.779.491.907</b>	<b>(9.742.275.099)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>9.877.011.101</b>	<b>19.546.211.922</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>(3.204.064)</b>	<b>73.074.278</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>22.653.298.944</b>	<b>9.877.011.101</b>

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập:

*Đặng Thị Oanh Nữ*

Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:

*Nguyễn Văn Cường*

Nguyễn Văn Cường  
Kế toán trưởng



*Nguyễn Đức Trí*

Nguyễn Đức Trí  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này*

## **Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

#### **1. Đơn vị báo cáo**

##### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

##### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

##### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

##### **(d) Cấu trúc Tổng Công ty**

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Tổng Công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty:

<b>Tên</b>	<b>Thông tin chính</b>
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hồ Chí Minh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-001 ngày 27 tháng 12 năm 2013 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Thành phố Biên Hòa - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-002 ngày 29 tháng 1 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Thành phố Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-003 ngày 21 tháng 10 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ Điện Bàn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-004 ngày 14 tháng 3 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Công ty May Hòa Thọ - Đông Hà	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-008 ngày 18 tháng 5 năm 2007 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

<b>Tên</b>	<b>Thông tin chính</b>
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-009 ngày 31 tháng 8 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ - Nhà máy May Hòa Thọ - Quảng Ngãi	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-014 ngày 31 tháng 10 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.
▪ Chi nhánh Bạc Liêu - Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bạc Liêu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0400101556-015 ngày 7 tháng 11 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có 5 công ty con và 2 công ty liên kết (1/1/2018: 6 công ty con và 1 công ty liên kết), được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có 8.610 nhân viên (1/1/2018: 8.674 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

#### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

#### **(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

#### **(c) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

##### **(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản khác	2 – 5 năm

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 5 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***(i) Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

***(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác***

Chi phí trả trước dài hạn khác ban đầu được thể hiện theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.



## **Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### **(l) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

### **(m) Doanh thu và thu nhập khác**

#### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

#### **(ii) Doanh thu dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

#### **(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

#### **(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(o) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**(p) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	162.577.000	36.428.500
Tiền gửi ngân hàng	22.490.721.944	9.840.582.601
	<hr/>	<hr/>
	22.653.298.944	9.877.011.101

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**5. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	14.090.680.083	14.090.680.083	14.191.267.129	14.191.267.129
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	905.000.000	(*)	4.905.000.000	(*)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 6,4% đến 7,3% (2017: từ 6% đến 7,2%) một năm.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng tại ngân hàng với lãi suất từ 6% đến 6,2% (2017: từ 6,2% đến 6,6%) một năm.

(\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng do không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2018					1/1/2018					
	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư góp vốn vào:</b>											
<b>Công ty con</b>											
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	Đà Nẵng	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	(1.989.201.844)	266.790	76,88%	76,88%	2.667.900.000	(2.667.900.000)
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam (i)	Quảng Nam	-	-	-	-	-	642.800	54,14%	54,14%	6.428.000.000	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An	Quảng Nam	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(4.261.810.124)	541.800	54,18%	54,18%	5.418.000.000	(3.218.625.775)
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	Quảng Nam	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-	817.300	81,73%	81,73%	8.173.000.000	-
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	Quảng Nam	2.652.000	51,00%	51,00%	26.520.000.000	(2.636.802.891)	2.652.000	51,00%	51,00%	26.520.000.000	(3.157.658.895)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	Đà Nẵng	-	100%	100%	2.000.000.000	(170.191.947)	-	100%	100%	2.000.000.000	-
					44.778.900.000	(9.058.006.806)					
<b>Công ty liên kết</b>											
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam (i)	Quảng Nam	642.800	32,14%	32,14%	6.428.000.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	Quảng Nam	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)	400.000	20,00%	20,00%	4.000.000.000	(4.000.000.000)
					10.428.000.000	(4.000.000.000)					
					51.206.900.000	(9.044.184.670)					



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Motives (Far East) Limited	49.937.802.854	116.161.660.223
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	47.922.242.148	34.026.138.653
Gamal Ibrahim Ahmed Al Okiya	34.599.626.692	19.480.437.010
Supreme International Inc.	24.812.541.214	13.391.542.904
Các khách hàng khác	94.640.093.669	63.733.553.370
	251.912.306.577	246.793.332.160

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 404.524 triệu VND (1/1/2018: 203.000 triệu VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 18(a)).

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	146.031.576	83.482.800
<b>Các công ty con</b>		
Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình	47.922.242.148	34.026.138.653
Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	334.458.025	273.630.030
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	3.635.000	150.000.000
	48.406.366.749	34.533.251.483

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu tiền bảo hiểm xã hội ứng trước	3.007.885.231	871.204
Tạm ứng	681.623.555	1.020.240.591
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	1.267.617.638	6.369.490.920
Phải thu khác	2.450.664.931	1.991.706.814
	<hr/>	<hr/>
	7.407.791.355	9.382.309.529
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Thời gian quá hạn	31/12/2018			Thời gian quá hạn	1/1/2018		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Duyên Đạt	Từ 1 - 3 năm	4.833.744.036	(4.833.744.036)	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Phú Sơn Trà	Trên 3 năm	406.124.753	(406.124.753)	-	Trên 3 năm	464.924.753	(464.924.753)	-
Công ty TNHH Thanh Thu	-	-	-	-	Trên 3 năm	428.360.000	(428.360.000)	-
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	-	-	-	-	Trên 3 năm	96.888.118	(96.888.118)	-
Khác	-	-	-	-	Trên 3 năm	48.621.891	(48.621.891)	-
		<u>5.239.868.789</u>	<u>(5.239.868.789)</u>	-		<u>1.038.794.762</u>	<u>(1.038.794.762)</u>	-

*Trong đó:*

Dự phòng phải thu khó đòi –  
ngắn hạn

(5.239.868.789)

(1.038.794.762)



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>	<b>Giá gốc VND</b>	<b>Dự phòng VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	90.807.780.817	-	63.150.243.596	-
Nguyên vật liệu	191.262.668.960	-	185.449.771.674	-
Công cụ và dụng cụ	143.048.027	-	125.411.229	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	225.659.469.513	-	211.371.764.230	-
Thành phẩm	90.791.545.643	-	72.905.961.695	(197.047.710)
Hàng hóa	291.805.081	-	540.361.780	-
Hàng gửi đi bán	119.018.461.426	-	91.917.526.168	-
	<b>717.974.779.467</b>	<b>-</b>	<b>625.461.040.372</b>	<b>(197.047.710)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 193.476 triệu VND (1/1/2018: 221.188 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty (Thuyết minh 18(a)).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	269.872.495.171	751.122.255.686	35.305.359.285	5.949.928.279	71.550.909.034	1.133.800.947.455
Tăng trong năm	224.404.347	16.957.681.896	1.124.877.146	936.039.234	2.841.875.626	22.084.878.249
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.337.617.288	133.448.233.028	15.399.772.348	-	3.451.317.999	158.636.940.663
Thanh lý	(36.550.000)	(61.259.062.727)	(787.587.074)	(191.916.413)	(911.933.565)	(63.187.049.779)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>276.397.966.806</b>	<b>840.269.107.883</b>	<b>51.042.421.705</b>	<b>6.694.051.100</b>	<b>76.932.169.094</b>	<b>1.251.335.716.588</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	87.110.426.747	472.482.250.319	23.442.670.457	3.864.369.153	42.617.248.073	629.516.964.749
Khấu hao trong năm	17.537.519.444	90.369.064.582	4.298.872.421	931.940.697	9.651.835.579	122.789.232.723
Thanh lý	(36.550.000)	(58.470.962.305)	(786.796.817)	(180.457.959)	(854.138.503)	(60.328.905.584)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>104.611.396.191</b>	<b>504.380.352.596</b>	<b>26.954.746.061</b>	<b>4.615.851.891</b>	<b>51.414.945.149</b>	<b>691.977.291.888</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	182.762.068.424	278.640.005.367	11.862.688.828	2.085.559.126	28.933.660.961	504.283.982.706
Số dư cuối năm	171.786.570.615	335.888.755.287	24.087.675.644	2.078.199.209	25.517.223.945	559.358.424.700

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 209.479 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 185.492 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 344.715 triệu VND (1/1/2018: 353.132 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh 18(a)) và dài hạn (Thuyết minh 18(b)) của Tổng Công ty.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	9.306.357.773
Tăng trong năm	99.829.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	9.406.186.773
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	6.004.330.071
Khấu hao trong năm	1.086.510.556
	<hr/>
Số dư cuối năm	7.090.840.627
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	3.302.027.702
Số dư cuối năm	2.315.346.146
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 3.840 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 3.840 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2018 VND</b>	<b>2017 VND</b>
Số dư đầu năm	23.345.796.656	7.760.128.847
Tăng trong năm	135.991.575.831	114.964.662.947
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(158.636.940.663)	(98.055.314.651)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.323.680.487)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	700.431.824	23.345.796.656
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt nhà máy may Điện Bàn	479.608.685	-
Đầu tư thiết bị Nhà máy Sợi 1	-	22.487.064.840
Khác	220.823.139	858.731.816
	700.431.824	23.345.796.656

**13. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả trước phí bảo hiểm	707.261.644	653.439.277
Công cụ và dụng cụ	2.283.109.926	3.059.785.947
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	526.206.093	625.649.168
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.460.851.542	2.477.387.881
	5.977.429.205	6.816.262.273

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Chi phí trả trước dài hạn khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	11.886.534.568	5.444.903.084	17.331.437.652
Tăng trong năm	8.406.031.621	3.387.835.161	11.793.866.782
Thanh lý	(30.622.147)	-	(30.622.147)
Phân bổ trong năm	(9.398.022.230)	(3.936.841.670)	(13.334.863.900)
	10.863.921.812	4.895.896.575	15.759.818.387

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	17.843.537.499	9.230.356.984
Kufner Hongkong Limited	16.126.370.100	5.730.921.028
CDI - Cotton Distributors Inc	10.343.303.873	-
Louis Dreyfus Commodities LLC	10.317.681.150	-
Hultafors Group AB	10.195.414.891	21.335.354.164
Paul Reinhart AG	9.339.032.629	-
RCMA Asia Pte. Ltd.	9.318.983.621	-
Manhattan Outdoor Wear Factory Limited	8.675.972.079	7.863.820.177
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ Quảng Nam	7.581.742.746	5.468.668.883
Motives (Far East) Limited	7.203.665.452	3.048.790.041
Fujian Jung Wei New Fiber Science and Technology Co., Ltd.	7.144.380.502	8.159.829.710
Các nhà cung cấp khác	111.509.395.413	133.043.727.632
	225.599.479.955	193.881.468.619

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	17.843.537.499	9.230.356.984
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần May Hoà Thọ - Quảng Nam	7.581.742.746	5.468.668.883
<b>Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	1.997.574.535	2.450.803.264
	27.422.854.780	17.149.829.131

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2018 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại/ khấu trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế nhập khẩu	27.500.761	-	(27.500.761)	-
Các loại thuế khác	910.627	-	(910.627)	-
	28.411.388	-	(28.411.388)	-

**(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	4.340.445.176	97.452.432.919	(95.882.810.077)	5.910.068.018
Thuế nhập khẩu	-	772.712.088	(772.712.088)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.430.560.008	6.166.158.355	(6.361.180.218)	2.235.538.145
Thuế thu nhập cá nhân	44.771.626	2.402.296.781	(2.321.824.139)	125.244.268
Tiền thuê đất	-	3.805.281.342	(3.805.281.342)	-
Các loại thuế khác	-	372.824.229	(372.824.229)	-
	6.815.776.810	110.971.705.714	(109.516.632.093)	8.270.850.431

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Chi phí hoạt động	1.562.991.104	6.537.047.256
Chi phí lãi vay	365.754.578	893.249.648
Các khoản trích trước khác	1.375.069.324	414.290.670
	<hr/>	<hr/>
	3.303.815.006	7.844.587.574
	<hr/>	<hr/>

**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Kinh phí công đoàn	9.344.904.621	8.341.981.557
Bảo hiểm xã hội	611.475.067	-
Bảo hiểm y tế	109.476.856	7.284.663
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	179.007.118	695.536.532
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	80.577.042	352.342.523
Cổ tức phải trả	705.864.547	655.700.547
Quỹ ái hữu, quỹ tương trợ	768.985.878	783.985.878
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.662.829.477	3.839.347.697
	<hr/>	<hr/>
	13.463.120.606	14.676.179.397
	<hr/>	<hr/>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	<b>1/1/2018</b> Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	<b>Tăng</b> VND	<b>Giảm</b> VND	<b>Chênh lệch tỷ giá</b> chưa thực hiện VND	<b>31/12/2018</b> Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	501.251.636.087	2.968.951.923.887	(3.066.819.911.188)	(919.305.854)	402.464.342.932
Vay dài hạn đến hạn trả	28.746.305.221	33.720.924.162	(29.801.637.421)	272.643.609	32.938.235.571
	<b>529.997.941.308</b>	<b>3.002.672.848.049</b>	<b>(3.096.621.548.609)</b>	<b>(646.662.245)</b>	<b>435.402.578.503</b>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>31/12/2018</b> VND	<b>1/1/2018</b> VND
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	2,9% - 3%	200.255.975.245	76.041.333.812
Vay ngân hàng 2 (ii)	USD	2,9%	79.758.862.641	156.641.387.962
Vay ngân hàng 3 (ii)	USD	2,5% - 2,65%	65.398.475.187	-
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	2,7% - 3,4%	56.851.029.859	130.115.305.065
Vay ngân hàng 5 (ii)	USD	-	-	72.342.581.182
Vay ngân hàng 6 (i)	USD	-	-	25.674.654.486
Vay ngân hàng 7 (i)	USD	-	-	40.286.373.580
Vay Ban liên lạc hưu trí (ii)	VND	10%	200.000.000	150.000.000
			<b>402.464.342.932</b>	<b>501.251.636.087</b>

(i) Các khoản vay này được đảm bảo bằng một số các khoản phải thu (Thuyết minh 6), hàng tồn kho (Thuyết minh 9) và tài sản cố định của Tổng Công ty (Thuyết minh 10).

(ii) Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Vay dài hạn	306.130.929.441	317.753.038.140
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(32.938.235.571)	(28.746.305.221)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	273.192.693.870	289.006.732.919
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất năm</b>	<b>Năm đáo hạn</b>	<b>31/12/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Vay ngân hàng 1 (i)	USD	4,5%	2021	36.399.741.052	49.863.684.153
Vay ngân hàng 2 (i)	USD	3,25% - 3,75%	2020	7.652.515.295	12.480.091.390
Vay ngân hàng 3 (i)	USD	5,0%	2021	3.160.429.537	4.330.051.485
Vay ngân hàng 4 (i)	USD	5,0%	2021	3.659.905.705	4.924.145.488
Vay ngân hàng 5 (i)	USD	5,2% - 5,7%	2022	23.635.337.003	14.963.618.830
Kuraray Trading Co., Ltd. (ii)	USD	2,5%	2021	13.949.400.000	18.199.200.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ (iii)	USD	LIBOR + 0,7%	2039	217.673.600.849	212.992.246.794
				<hr/>	<hr/>
				306.130.929.441	317.753.038.140
				<hr/>	<hr/>

- (i) Các khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty (Thuyết minh 10).
- (ii) Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
- (iii) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”) và có hạn mức là 9.042.587 USD.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	45.694.840.729	32.703.405.058
Trích lập trong năm	26.894.881.621	15.677.202.084
Tăng khác	115.827.451	418.419.115
Sử dụng trong năm	(18.882.072.041)	(3.104.185.528)
Số dư cuối năm	<u>53.823.477.760</u>	<u>45.694.840.729</u>

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	165.375.000.000	71.004.131.623	73.094.184.232	309.473.315.855
Phát hành cổ phiếu	59.625.000.000	-	-	59.625.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	80.607.708.228	80.607.708.228
Phân bổ vào các quỹ	-	10.687.003.687	(10.687.003.687)	-
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(41.343.750.000)	(41.343.750.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(15.677.202.084)	(15.677.202.084)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	225.000.000.000	81.691.135.310	85.993.936.689	392.685.071.999
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	94.146.211.496	94.146.211.496
Phân bổ vào các quỹ	-	13.289.392.807	(13.289.392.807)	-
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(26.894.881.621)	(26.894.881.621)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	225.000.000.000	94.980.528.117	94.955.873.757	414.936.401.874

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	22.500.000	225.000.000.000	22.500.000	225.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	31/12/2018 và 1/1/2018		
	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	14.615.621	146.156.210.000	64,96%
Các cổ đông khác	7.884.379	78.843.790.000	35,04%
	22.500.000	225.000.000.000	100%

**22. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**23. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 21 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 45.000 triệu VND cho năm 2017, tương đương 20% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (2017: 41.344 triệu VND cho năm 2016, tương đương 25% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	5.165.528.855	4.079.553.032
Trong vòng hai đến năm năm	38.690.182.762	38.096.801.090
Sau năm năm	66.543.021.899	73.752.309.520
	110.398.733.516	115.928.663.642

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/12/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	680.672	15.753.922.701	260.955	5.911.110.748
EUR	244	6.455.657	256	6.929.126
		15.760.378.358		5.918.039.874

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	50.205.000.000	43.800.000.000
	50.205.000.000	43.800.000.000

**25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	2.733.830.210	4.051.411.820
Cổ tức được chia	1.495.600.000	852.800.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.624.290.344	17.964.618.960
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	483.524.074
Chiết khấu thanh toán	67.290.033	375.405.155
	22.921.010.587	23.727.760.009

**27. Chi phí tài chính**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	25.458.287.085	23.236.822.617
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.948.205.589	5.107.794.550
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.783.107.905	-
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	86.688.746	(11.699.357.801)
Chi phí tài chính khác	-	3.873.011
	47.276.289.325	16.649.132.377

**28. Chi phí bán hàng**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Chi phí nhân viên	6.007.038.103	7.268.584.922
Chi phí vật liệu, bao bì	885.074.373	1.075.395.569
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.292.857.594	5.444.704.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.197.669.601	72.383.717.014
Chi phí khác	15.855.851.415	15.845.567.046
	73.238.491.086	102.017.969.058

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**29. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	54.436.631.238	56.372.328.212
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.509.448.529	2.520.011.338
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.869.180.008	6.659.484.779
Thuế, phí và lệ phí	3.311.718.674	3.318.269.663
Dự phòng/(hoàn nhập) phải thu khó đòi	4.665.744.231	(35.596.208)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.464.038.508	18.219.403.876
Chi phí khác	21.146.015.547	20.761.222.195
	111.402.776.735	107.815.123.855
	111.402.776.735	107.815.123.855

**30. Thu nhập khác**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi do thanh lý tài sản cố định	3.002.909.743	643.739.013
Các khoản thu nhập khác	1.523.852.961	1.726.886.612
	4.526.762.704	2.370.625.625
	4.526.762.704	2.370.625.625

**31. Chi phí khác**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền phạt hợp đồng, chậm nộp thuế	1.173.803.251	817.619.043
Các khoản chi phí khác	1.481.341.300	851.972.868
	2.655.144.551	1.669.591.911
	2.655.144.551	1.669.591.911

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	2.274.222.480.090	2.246.560.034.607
Chi phí nhân viên	978.787.148.325	775.963.726.512
Chi phí khấu hao và phân bổ	123.875.743.279	109.829.031.468
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	553.565.982.991	577.969.177.951

**33. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	6.158.895.452	5.302.968.132
Dự phòng thiếu trong những năm trước	7.262.903	-
	6.166.158.355	5.302.968.132



**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	100.312.369.851	85.910.676.360
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	10.031.236.985	8.591.067.636
Ưu đãi thuế	(5.375.177.238)	(4.511.202.164)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	508.318.108	525.764.584
Chi phí không được khấu trừ thuế	803.922.077	281.211.432
Thu nhập không bị tính thuế	(149.560.000)	(85.280.000)
Giảm thuế (*)	(232.918.000)	(259.763.200)
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận thuế hoãn lại	573.073.520	761.169.844
Dự phòng thiếu trong những năm trước	7.262.903	-
	6.166.158.355	5.302.968.132

(\*) Tổng Công ty được giảm thuế theo quy định tại Điều 21, Thông tư 78/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, xây dựng, vận tải sử dụng từ 10 đến 100 lao động nữ, trong đó số lao động nữ chiếm trên 50% tổng 150 lao động có mặt thường xuyên hoặc sử dụng thường xuyên trên 100 lao động nữ mà số lao động nữ chiếm trên 30% tổng số lao động có mặt thường xuyên của doanh nghiệp được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tương ứng với số tiền thực chi thêm cho lao động nữ.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm tính từ năm 2007 (2007 - 2021) và mức thuế suất thông thường cho những năm tiếp theo. Các quy định hiện hành về thuế cũng cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2007 đến năm 2010) và giảm 50% thuế thu nhập trong 9 năm tiếp theo (2011 - 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% (2017: 20%).

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
Cổ tức công bố và đã trả	29.231.242.000	26.856.205.000
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.617.684.785	1.567.289.268
Mua hàng hóa và dịch vụ	36.463.620.291	15.389.867.197
Lãi vay nhập gốc vay	-	6.138.075.736
Chi phí lãi vay	7.832.063.710	-
<b>Các công ty con</b>		
<b>Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	3.764.168.338	2.876.470.934
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.191.436.389	898.532.575
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Hội An</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	103.425.804	133.832.196
Mua hàng hóa và dịch vụ	50.362.524.847	51.498.941.121
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	860.725.231	726.929.423
Mua hàng hóa và dịch vụ	66.982.499.659	68.951.340.421
<b>Công ty Cổ phần Sợi Hòa Thọ - Thăng Bình</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	63.034.353.669	132.572.405.015
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.780.138.971	10.846.902.434
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Quảng Nam</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	45.839.405	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	89.522.866.675	107.668.573.759
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.285.600.000	642.800.000
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	684.696.718	522.872.587
Mua hàng hóa và dịch vụ	67.717.024.444	49.768.940.859
<b>Các bên liên quan khác trong Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>		
<b>Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	9.704.004	839.213.529
Mua hàng hóa và dịch vụ	14.170.000	22.380.041
<b>Công ty TNHH Coats Phong Phú</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	23.527.670.641	24.319.226.211
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Huế</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	169.578.922
Mua hàng hóa và dịch vụ	40.244.000	1.174.424.000

**Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
<b>Tổng Giám đốc</b> Tiền lương và thưởng	1.099.141.465	1.041.082.868
<b>Thành viên khác trong Ban điều hành</b> Tiền lương và thưởng	5.695.346.499	5.269.367.103
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát</b> Thù lao	1.405.472.353	1.931.499.465

**35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	<b>2018</b> <b>VND</b>	<b>2017</b> <b>VND</b>
Cổ tức nhận được thông qua bù trừ công nợ	1.495.600.000	852.800.000
Lãi vay nhập gốc vay	-	6.138.075.736

**36. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 14 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Đặng Thị Oanh Nữ  
Chuyên viên

Người duyệt:

 

Nguyễn Văn Cường  
Kế toán trưởng

Nguyễn Đức Trị  
Tổng Giám đốc